

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC

Địa chỉ: Số nhà 14, đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Quang Ngọc	Chủ tịch
Ông Đỗ Thanh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Kiều Đức Thắng	Thành viên
Bà Lê Thị Kim Thanh	Thành viên
Bà Bùi Thị Thúy Ngọc	Thành viên
Ông Trần Duy Thập	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Đỗ Thanh Hải	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 26/09/2016)
Ông Trần Quang Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/09/2016)
Ông Đỗ Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 26/09/2016)
Ông Nguyễn Văn Khánh	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC



Trần Quang Ngọc

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 03 năm 2017



Số: *HT* -17/BC-TC/IV-VAE

Hà Nội, ngày *24* tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06/03/2017 từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 13/01/2017 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc tăng vốn nhà nước và cử người đại diện tham gia phân vốn nhà nước tại Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/QĐ-HĐQT ngày 13/01/2017 của Công ty về việc tăng vốn điều lệ (tăng vốn nhà nước nắm giữ trong Công ty) và sửa đổi điều lệ Công ty thì Công ty sẽ tăng vốn điều lệ thành 111.686.760.000 đồng, hình thức tăng vốn là nhận bàn giao tài sản từ nhà nước, các công trình do Công ty là chủ đầu tư từ nguồn ngân sách cấp. Công ty đã thực hiện ghi nhận tăng vốn vào Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016 theo văn bản số 901/TTr-STC ngày 28/11/2016 của Sở Tài chính (cơ quan quản lý vốn nhà nước tại Công ty) trình UBND tỉnh Vĩnh Phúc v/v tăng vốn tại Công ty. Việc ghi nhận tăng vốn như trên là chưa phù hợp theo quy định tại Điều 111- Vốn công ty cổ phần Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Với những tài liệu mà Công ty cung cấp, chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán và thích hợp để đưa ra ý kiến về việc nhà máy nước Yên Lạc được Công ty ghi tăng Tài sản cố định trong năm tương ứng với nguồn vốn khác với giá trị 12.429.000.000 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		40.566.739.937	31.304.348.575
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.226.310.683	7.742.607.566
1 Tiền	111	V.1.	11.226.310.683	2.742.607.566
2 Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	5.000.000.000
II Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	-	500.000.000
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	500.000.000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.611.964.848	14.379.888.095
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	12.863.352.748	12.058.116.166
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	313.581.015	1.085.813.600
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	500.000.000	-
6 Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	935.031.085	1.235.958.329
IV Hàng tồn kho	140	V.7.	7.298.407.519	7.518.317.663
1 Hàng tồn kho	141		7.298.407.519	7.518.317.663
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.430.056.887	1.163.535.251
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.	237.692.941	334.397.411
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.270.562.599	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15.	2.921.801.347	829.137.840
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		172.460.119.990	131.450.762.188
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		111.174.351.139	91.855.811.115
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	110.944.232.916	91.855.811.115
- Nguyên giá	222		265.995.301.440	225.276.094.533
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(155.051.068.524)	(133.420.283.418)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	230.118.223	-
- Nguyên giá	228		357.264.000	71.600.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127.145.777)	(71.600.000)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	38.290.429.974	15.747.266.234
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		38.290.429.974	15.747.266.234
IV Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	19.550.000.000	19.550.000.000
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		19.550.000.000	19.550.000.000
V Tài sản dài hạn khác	260		3.445.338.877	4.297.684.839
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	3.445.338.877	4.297.684.839
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		213.026.859.927	162.755.110.763

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C NỢ PHẢI TRẢ	300		85.897.230.360	66.072.461.413
I Nợ ngắn hạn	310		21.755.971.450	9.577.012.082
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	5.821.382.607	1.933.928.579
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	4.579.543.556	278.962.481
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	853.018.617	504.572.248
4 Phải trả người lao động	314		3.613.077.200	3.150.337.100
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	240.000.000	315.000.000
9 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	2.766.506.954	3.172.214.736
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.	3.087.642.418	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		794.800.098	221.996.938
II Nợ dài hạn	330		64.141.258.910	56.495.449.331
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.	64.141.258.910	56.495.449.331
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		127.129.629.567	96.682.649.350
I Vốn chủ sở hữu	410	V.18.	127.129.629.567	96.682.649.350
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		111.686.760.000	86.405.600.775
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		111.686.760.000	86.405.600.775
4 Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.915.737.550	2.200.000.000
8 Quỹ đầu tư phát triển	418		118.480.274	118.480.274
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.421.021.163	1.970.937.076
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.035.010.598	608.900.419
- LNST chưa phân phối lũy kế đến năm nay	421b		1.386.010.565	1.362.036.657
12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		987.630.580	5.987.631.225
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		213.026.859.927	162.755.110.763

Vinh Phúc, ngày 06 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Mạnh Cường

Bùi Thị Thúy Ngọc

Trần Quang Ngọc

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	102.546.779.531	91.357.566.658
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		102.546.779.531	91.357.566.658
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	79.144.595.759	70.257.014.894
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.402.183.772	21.100.551.764
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	346.924.948	268.667.724
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	3.216.236.718	3.805.138.008
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.202.575.201	1.456.456.522
8 Chi phí bán hàng	25	VI.7.	8.538.656.432	7.375.527.483
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	10.065.403.869	9.300.588.340
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		1.928.811.701	887.965.657
11 Thu nhập khác	31	VI.5.	744.607.343	1.030.457.684
12 Chi phí khác	32	VI.6.	392.260.756	189.166.838
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		352.346.587	841.290.846
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2.281.158.288	1.729.256.503
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	895.147.723	367.219.846
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.386.010.565	1.362.036.657
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	66,07	63,76

Vinh Phúc, ngày 06 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Mạnh Cường

Bùi Thị Thúy Ngọc

Trần Quang Ngọc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		116.065.667.009	99.478.958.189
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(62.375.458.745)	(61.020.252.904)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(16.446.467.830)	(15.037.592.815)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.437.694.673)	(1.456.456.522)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(775.619.821)	(101.928.594)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		245.815.805	6.975.671.522
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(11.938.644.077)	(13.688.350.531)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23.337.597.668	15.150.048.345
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.090.614.737)	(7.117.634.288)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		30.000.000	309.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		304.814.546	268.667.724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.755.800.191)	(6.539.866.564)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		15.127.225.761	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(6.407.435.281)	(6.339.307.081)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(817.884.840)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.901.905.640	(6.339.307.081)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		6.483.703.117	2.270.874.700
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7.742.607.566	5.471.732.866
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1.	14.226.310.683	7.742.607.566

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC

Người lập

Kế toán trưởng


Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Mạnh Cường



Bùi Thị Thúy Ngọc



Trần Quang Ngọc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty nhà nước - Công ty Cấp thoát nước và Môi trường số 1. Công ty chính thức được chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500155742, đăng ký lần đầu ngày 03/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp. Công ty có ba lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 12/07/2012 thì vốn điều lệ của Công ty là: **94.441.500.000 VND** (Chín mươi bốn tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp nước sạch.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Quản lý, khai thác và xử lý nước thải, xử lý chất thải đô thị; Tư vấn thiết kế công trình cấp, thoát nước;
- Xây lắp công trình cấp thoát nước, lắp đặt và sửa chữa đường ống cấp, thoát nước; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; Xây dựng công trình đường dây điện đến 35KV và trạm biến áp đến 560KVA; Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Mua bán vật tư, thiết bị ngành nước, điện và xây dựng; Sản xuất và mua bán nước lọc tinh khiết đóng chai;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch, thương mại
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng, thiết bị phá dỡ có kèm cho người điều khiển; Cho thuê địa điểm làm văn phòng, cửa hàng, kho bãi;

Trụ sở chính đặt tại: Số nhà 14, đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng cơ bản.

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc (có vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng). Tỷ lệ đầu tư của Công ty vào Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc là 18,33%, tương đương với số vốn góp là 550.000.000 đồng.

Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc có vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng - thực hiện dự án cấp nước cho Khu Công nghiệp Tam Dương. Tỷ lệ đầu tư của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Vĩnh Phúc là 42,22%, số vốn góp theo cam kết là 19.000.000.000 đồng.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Các thông tin dữ liệu, số liệu tương ứng trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 được trình là các thông tin dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt nam số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

b) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Nợ phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

Phải thu khách hàng gồm khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua-bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo quý. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại thời điểm 31/12/2016, Công ty không có hàng tồn kho cần phải trích lập dự phòng giảm giá.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

10/12/2016
CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC
M TOÁN VIÊN
GIÁ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	08 – 35
- Máy móc, thiết bị	05 – 12
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 – 20
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy vi tính.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
- Phần mềm quản lý	03

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí của các công trình bao gồm dự án Hệ thống cấp nước sạch cho xã Hương Sơn, Huyện Bình Xuyên, tiểu dự án mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Vĩnh Yên, Xây dựng đường ống cấp nước xã Hợp Thịnh ... được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là các khoản chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê văn phòng, lợi thế kinh doanh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả đối với các hợp đồng tín dụng vay vốn ODA số 21/TDNN ngày 12/02/2001. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là vốn bổ sung từ nhận bàn giao tài sản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bao gồm doanh thu từ hoạt động bán nước, dịch vụ xây lắp, doanh thu từ lãi tiền gửi và thu nhập khác.

Doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa do công ty sản xuất được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Thu nhập khác của Công ty là khoản thu nhập từ thanh lý phế liệu, được ghi nhận trên cơ sở phiếu thu, hóa đơn.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán nước được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng nước xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận theo chi phí phát sinh thực tế của từng công trình, phù hợp với tỷ lệ trong hợp đồng giao khoán, tương ứng với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và các khoản chi phí tài chính khác.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**15.1 Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với mức thuế suất thuế GTGT 0% đối với cung cấp nước vào khu chế xuất; 5% đối với các hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch; 10% đối với hoạt động xây lắp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán tổng hợp

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền	11.226.310.683	2.742.607.566
<i>Tiền mặt</i>	<i>401.817.072</i>	<i>599.216.605</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>10.824.493.611</i>	<i>2.143.390.961</i>
Tiền gửi VND	10.824.493.611	2.143.390.961
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc</i>	<i>10.797.536.556</i>	<i>2.129.400.249</i>
<i>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Vĩnh Phúc</i>	<i>18.919.298</i>	<i>13.990.712</i>
<i>Ngân hàng NN & PTNT Việt nam - CN Vĩnh Phúc</i>	<i>8.037.757</i>	-
Các khoản tương đương tiền	3.000.000.000	5.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Vĩnh Phúc</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Cộng	14.226.310.683	7.742.607.566

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC

Địa chỉ: Số nhà 14, đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 -DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc	-	-	500.000.000	500.000.000
Cộng	-	-	500.000.000	500.000.000

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc (1)	19.000.000.000	-	19.000.000.000	19.000.000.000	-	19.000.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc (2)	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000
Cộng	19.550.000.000	-	19.550.000.000	19.550.000.000	-	19.550.000.000

(1) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp nước Vĩnh Phúc có vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng - thực hiện dự án cấp nước cho Khu Công nghiệp Tam Dương. Tỷ lệ đầu tư của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Vĩnh Phúc là 42,22%, số vốn góp theo cam kết là 19.000.000.000 đồng.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Vĩnh Phúc (có vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng). Tỷ lệ đầu tư của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Vĩnh Phúc là 18,33%, tương đương với số vốn góp là 550.000.000 đồng.

(*) Tại thời điểm 31/12/2016, báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc và Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc có lãi nên Công ty không phải trích lập dự phòng.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

3. Phải thu khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
BQL Dự án Đầu tư huyện Bình Xuyên	2.166.555.000	-	2.166.555.000	-
BQL Dự án Đầu tư và xây dựng Tam Dương	600.233.000	-	368.192.000	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Xuân Mai	190.811.400	-	1.383.147.000	-
Ban điều hành Dự án Công trình giao thông Vĩnh Phúc	-	-	711.436.990	-
Công ty TNHH Công nghiệp chính xác Việt Nam 1	287.881.576	-	388.250.157	-
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Xuân Mai	440.788.068	-	134.339.053	-
Các đối tượng khác	9.177.083.704	-	6.906.195.966	-
Cộng	12.863.352.748	-	12.058.116.166	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công ty CP Khoa học và Kỹ thuật môi trường	250.000.000	-
Điện lực Vĩnh Tường	26.805.115	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh phúc	-	390.372.000
Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp chuyên ngành	-	95.370.000
Các đối tượng khác	36.775.900	600.071.600
Cộng	313.581.015	1.085.813.600

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc	500.000.000	-	-	-
Cộng	500.000.000	-	-	-

6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Tạm ứng	209.119.000	-	223.249.000	-
Kinh phí công đoàn	115.314.471	-	124.067.509	-
Bảo hiểm xã hội	28.935.743	-	-	-
Phải thu khác	581.661.871	-	888.641.820	-
Cộng	935.031.085	-	1.235.958.329	-

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

7. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.990.497.418	-	4.929.999.554	-
Chi phí sản xuất KDDD	2.307.910.101	-	2.588.318.109	-
Cộng	7.298.407.519	-	7.518.317.663	-

8. Tài sản dở dang dở dang dài hạn

31/12/2016
VND

01/01/2016
VND

Xây dựng cơ bản dở dang

Hệ thống cấp nước cho KCN Thăng Long Vĩnh Phúc	24.278.757.403	379.665.009
Công trình Nhà làm việc 4 tầng Công ty	6.291.349.433	1.844.632.594
Hệ thống cấp nước cho xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên	1.877.457.517	1.576.391.822
Lắp đường ống cấp nước Dn160 KCN Bá thiện	4.165.522.819	1.205.524.377
Hệ thống cấp nước sạch cho xã Hương Sơn, huyện Bình Xuyên	-	4.396.386.293
Các công trình khác	1.677.342.802	6.344.666.139
Cộng	38.290.429.974	15.747.266.234

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
- Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2016	71.600.000	71.600.000
Mua trong năm	285.664.000	285.664.000
Số dư ngày 31/12/2016	357.264.000	357.264.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2016	71.600.000	71.600.000
Khấu hao trong năm	55.545.777	55.545.777
Số dư ngày 31/12/2016	127.145.777	127.145.777
- Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2016	-	-
Tại ngày 31/12/2016	230.118.223	230.118.223

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.600.000 VND

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC

Địa chỉ: Số nhà 14, đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
- Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2016		44.482.004.765	30.002.056.075	149.242.915.975	1.549.117.718	225.276.094.533	
Mua trong năm		365.591.818	1.431.438.279		93.980.000	1.891.010.097	
Đầu tư XD CB hoàn thành		1.931.561.230	377.342.828	3.149.949.113	-	5.458.853.171	
Nhận vốn bằng tài sản		12.670.767.632	2.813.879.518	18.191.111.989	-	33.675.759.139	
Thanh lý, nhượng bán		-	(306.415.500)	-	-	(306.415.500)	
Số dư ngày 31/12/2016		59.449.925.445	34.318.301.200	170.583.977.077	1.643.097.718	265.995.301.440	
- Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2016		24.341.831.255	29.965.549.954	78.545.525.741	567.376.468	133.420.283.418	
Khấu hao trong năm		2.729.087.754	1.331.448.229	17.559.242.632	272.051.580	21.891.830.195	
Thanh lý, nhượng bán		-	(261.045.089)	-	-	(261.045.089)	
Số dư ngày 31/12/2016		27.070.919.009	31.035.953.094	96.104.768.373	839.428.048	155.051.068.524	
- Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2016		20.140.173.510	36.506.121	70.697.390.234	981.741.250	91.855.811.115	
Tại ngày 31/12/2016		32.379.006.436	3.282.348.106	74.479.208.704	803.669.670	110.944.232.916	
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.241.536.400 VND							
11. Chi phí trả trước					31/12/2016	01/01/2016	
a) Ngắn hạn					VND	VND	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ					237.692.941	334.397.411	
					237.692.941	334.397.411	
b) Dài hạn					3.445.338.877	4.297.684.839	
Giá trị lợi thế doanh nghiệp khi Cổ phần hóa chờ phân bổ					-	1.842.750.000	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ					3.445.338.877	2.454.934.839	
Cộng					3.683.031.818	4.632.082.250	



CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC

Địa chỉ: Số nhà 14, đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

12. Vay và nợ thuế tài chính

	31/12/2016			01/01/2016			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<i>a)</i>							
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	3.087.642.418	3.087.642.418	3.087.642.418	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.087.642.418	3.087.642.418	3.087.642.418	-	-	-	-
(1) Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Vĩnh Phúc	3.087.642.418	3.087.642.418	3.087.642.418	-	-	-	-
<i>b)</i>							
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	64.141.258.910	64.141.258.910	17.140.887.278	9.495.077.699	56.495.449.331	56.495.449.331	56.495.449.331
Vay dài hạn	64.141.258.910	64.141.258.910	17.140.887.278	9.495.077.699	56.495.449.331	56.495.449.331	56.495.449.331
(1) Chi nhánh Quỹ Hỗ trợ Phát triển Vĩnh Phúc	47.714.033.149	47.714.033.149	2.013.661.517	9.195.077.699	54.895.449.331	54.895.449.331	54.895.449.331
(2) Quỹ Đầu tư phát triển và Bảo lãnh tín dụng tỉnh Vĩnh Phúc	1.300.000.000	1.300.000.000	-	300.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000	1.600.000.000
(3) Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tỉnh Vĩnh Phúc	15.127.225.761	15.127.225.761	15.127.225.761	-	-	-	-
Cộng	67.228.901.328	67.228.901.328	20.228.529.696	9.495.077.699	56.495.449.331	56.495.449.331	56.495.449.331

(1): - Hợp đồng tín dụng vay vốn ODA số 21/TDNN ngày 12/02/2001, nguồn vốn Tín dụng hỗn hợp Đan Mạch. Bên cho vay là Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Vĩnh Phúc (nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Vĩnh Phúc - "VI WATER 1"). Tổng mức vốn cho vay là 5.000.000 USD; thời hạn vay 10 năm; lãi suất cho vay 1%/năm tính trên số dư nợ vay; lãi chậm trả 6,8%/năm tính trên số dư nợ quá hạn. Phí quản lý Ngân hàng Phát triển Vĩnh Phúc được hưởng 0,2%/năm trong lãi suất cho vay. Kỳ hạn trả 6 tháng một lần vào ngày 31/03 và 30/09.

- Phụ lục hợp đồng tín dụng vốn ODA số 02/PL/ODA-TDNN ngày 12/05/2002: Ngân hàng Phát triển Vĩnh Phúc đồng ý cho VI WATER 1 vay lại khoản ghi thu, ghi chi các loại thuế đối với dự án cấp nước sử dụng vốn ODA vay lại ngân sách Nhà nước với điều kiện: Đồng tiền cho vay là VND; Giá trị khoản vay là toàn bộ số tiền thuế nhập khẩu, thuế GTGT hàng nhập khẩu được BTC ghi thu, ghi chi NSNN; Thời hạn cho vay theo quy định tại Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 21/TDNN ngày 12/02/2001; thời điểm trả khoản nợ thuế bắt đầu từ khi dự án đi vào hoạt động; lãi suất cho vay 0%; phí cho vay 0,2%/năm tính trên tổng số dư nợ vay; Kỳ thu nợ gốc, phí 6 tháng một lần vào ngày 31/03 và 30/09.



CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC

Địa chỉ: Số nhà 14, đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

- Phụ lục hợp đồng vay vốn ODA số 02/2007/PL/ODA-TDNN ngày 08/03/2007 sửa đổi một số nội dung của Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 21/TDNN ngày 12/02/2001:
- + Sửa đổi điểm 1.3 - Thời hạn cho vay 25 năm trong đó có 7 năm ân hạn tính từ khi ký hiệp định vay ngày 14/10/1999;
- + Sửa đổi điểm 1.4 - Lãi suất cho vay 2%/năm đã bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay;
- + Lãi suất cho vay 2% (đã bao gồm 0,2% phí quản lý cho vay lại) tính từ ngày 01/10/2006
- + Thời hạn trả nợ gốc 18 năm, mỗi năm trả 2 kỳ vào các ngày 31/03 và 30/09. Kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 31/03/2007, kỳ trả nợ gốc cuối cùng là ngày 30/09/2024.
- + Sửa đổi điểm 1.3 tại Điều 1, phụ lục hợp đồng tín dụng vốn ODA số 02/PL/ODA-TDNN ngày 12/05/2002. Thu nợ gốc trong vòng 10 năm kể từ ngày dự án đi vào vận hành, mỗi năm trả nợ 2 lần vào các ngày 31/03 và 30/09 hàng năm; Kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 30/09/2004, mức trả nợ gốc mỗi kỳ là: 258.180.615 đồng.
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2013 là: 3.065.072,51 USD
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2014 là: 2.786.429,57 USD
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2015 là: 2.507.786,96 USD
Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2016 là: 2.221.121,35 USD

(2): - Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 04/2014/HHTD ngày 10/03/2014, bên cho vay là Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng tỉnh Vĩnh Phúc. Tổng mức vốn cho vay tối đa là: 2.000.000.000 đồng, nhận nợ và trả nợ gốc, lãi bằng đồng Việt Nam đồng. Mục đích vay: Đầu tư xây dựng đường ống cấp nước cho khu công nghiệp Bá Thiện I (giai đoạn 1) (trên diện tích 53 ha với công suất sử dụng là 2.500 m³/ngày đêm). Thời hạn vay là: 72 tháng kể từ ngày Bên B nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo giấy nhận nợ. Kể từ ngày 10/03/2014 đến ngày 10/03/2020. Lãi suất áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9%/năm và cố định trong suốt thời gian vay vốn (trừ trường hợp có sự thay đổi lãi suất của Ngân hàng Nhà nước). Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

(3): - Hợp đồng vay tín dụng trung hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) ngày 08/11/2016, giữa các bên: Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc. Tổng số tiền tối đa cho vay 30.000.000.000 đồng nhưng không vượt quá 60% tổng vốn đầu tư thực tế câu dự án. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân món đầu tiên, thời hạn rút vốn 24 tháng kể từ ngày giải ngân món đầu tiên, thời gian ân hạn khoản vay là 24 tháng. Mục đích vay: Đầu tư dự án Hệ thống cấp nước cho khu công nghiệp Thăng Long - Vĩnh Phúc. Lãi suất cố định 8,5%/năm trong 1 năm kể từ ngày đầu tiên giải ngân khoản vay món vay đầu tiên. Từ năm thứ hai trở đi thực hiện lãi suất thả nổi theo thị trường tại thời điểm điều chỉnh lãi suất (lãi suất được điều chỉnh tối đa 06 tháng/1 lần. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Trong trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh).

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

13. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Xí nghiệp Xây lắp công trình Cấp thoát nước	280.220.930	280.220.930	368.645.159	368.645.159
Xí nghiệp Xây lắp công trình Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh phúc	-	-	388.468.100	388.468.100
Công ty CP Cúc Phương	2.850.485.200	2.850.485.200	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng cấp thoát nước	1.250.673.011	1.250.673.011	-	-
Các đối tượng khác	540.601.450	540.601.450	757.528.506	757.528.506
	899.402.016	899.402.016	419.286.814	419.286.814
Cộng	5.821.382.607	5.821.382.607	1.933.928.579	1.933.928.579

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

14. Người mua trả tiền trước

31/12/2016
VND

01/01/2016
VND

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Ban Điều hành dự án công trình giao thông Vĩnh phúc	3.837.768.010	-
UBND xã Hợp thịnh	295.000.000	-
Nhà máy nước Lập thạch	121.591.000	-
Công ty TNHH Quang Hưng	34.844.000	100.000.000
Ban Giải phóng mặt bằng và Phát triển Quỹ đất tỉnh Vĩnh Phúc	-	33.837.000
Ủy ban nhân dân huyện Yên Lạc	30.000.000	30.000.000
Các đối tượng khác	260.340.546	115.125.481
Cộng	4.579.543.556	278.962.481

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm	
	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	367.219.846	895.147.723	775.619.821	486.747.748
Thuế thu nhập cá nhân	-	21.134.734	20.428.614	706.120
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	9.957.073	9.957.073	-
Thuế tài nguyên	3.000.000	1.812.131.643	1.815.131.643	-
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	5.184.561.859	4.818.997.110	365.564.749
Thuế khác	134.352.402	256.445.599	390.798.001	-
Cộng	504.572.248	8.183.378.631	7.834.932.262	853.018.617

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) Phải thu

Thuế GTGT đầu ra	799.211.353	5.507.984.025	5.205.721.181	496.948.509
Thuế tài nguyên	-	-	2.424.852.838	2.424.852.838
Thuế bảo vệ môi trường	29.926.487	29.926.487	-	-
Cộng	829.137.840	5.537.910.512	7.630.574.019	2.921.801.347

16. Chi phí phải trả

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	240.000.000	315.000.000
Chi phí lãi vay phải trả	240.000.000	315.000.000
Cộng	240.000.000	315.000.000

17. Phải trả khác

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phải trả khác	2.701.972.217	3.131.131.620
Phải trả khác (Dư có 1388) - văn phòng	64.534.737	6.000.000
Phải trả khác (Dư có 1388) - dự án	-	35.083.116
Cộng	2.766.506.954	3.172.214.736

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VINH PHÚC

Địa chỉ: Số nhà 14, đường Lý Bôn, phường Ngô Quyền, thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B09 -DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

18. Vốn chủ sở hữu

		Đơn vị tính: VND			
<i>a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>					
Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2015	86.405.600.775	-	527.206.111	15.466.899.225	102.399.706.111
- Tăng vốn trong năm trước		2.200.000.000	-	-	2.200.000.000
- Lãi trong năm trước		-	1.362.036.657	-	1.362.036.657
- Tăng khác		-	107.404.982	-	107.404.982
- Giảm khác		-	(25.710.674)	(9.479.268.000)	(9.504.978.674)
Số dư tại ngày 31/12/2015	86.405.600.775	2.200.000.000	1.970.937.076	5.987.631.225	96.564.169.076
- Tăng vốn trong năm (**)	25.281.159.225	8.715.737.550	-	-	33.996.896.775
- Lãi trong kỳ này		-	1.386.010.565	-	1.386.010.565
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi		-	(800.611.160)	-	(800.611.160)
- Chia cổ tức bằng tiền		-	(817.884.840)	-	(817.884.840)
- Tăng khác (*)		-	1.682.569.522	-	1.682.569.522
- Giảm khác (**)		-	-	(5.000.000.645)	(5.000.000.645)
Số dư tại ngày 31/12/2016	111.686.760.000	10.915.737.550	3.421.021.163	987.630.580	127.011.149.293

(*) : Tăng khác do điều chỉnh giảm thuế tài nguyên phải nộp theo biên bản thanh tra thuế năm 2014 và năm 2015.

(**): Nhận góp vốn bằng tài sản trong năm.

b) Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Vốn nhà nước	108.057.760.000	82.776.600.775
Các cổ đông khác	3.629.000.000	3.629.000.000
Cộng	111.686.760.000	86.405.600.775

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

c) Các khoản giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
Vốn góp đầu kỳ	86.405.600.775	86.405.600.775
Vốn góp tăng trong kỳ	25.281.159.225	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	111.686.760.000	86.405.600.775
<i>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</i>	817.884.840	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.168.676	9.118.650
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.168.676	8.640.560
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.676	8.640.560
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.168.676	8.640.560
- Cổ phiếu phổ thông	11.168.676	8.640.560

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	01/01/2016	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Đơn vị tính: VND 31/12/2016
Quỹ đầu tư phát triển	118.480.274	-	-	118.480.274
Cộng	118.480.274	-	-	118.480.274

- Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chi sâu của Công ty phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán nước máy	94.765.587.396	77.970.358.634
Doanh thu hoạt động xây lắp, lắp đặt	7.050.002.321	12.708.917.318
Doanh thu khác	731.189.814	678.290.706
Cộng	102.546.779.531	91.357.566.658

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn bán nước máy	73.008.885.307	58.320.299.366
Giá vốn hoạt động xây lắp, lắp đặt	6.135.710.452	11.936.715.528
Cộng	79.144.595.759	70.257.014.894

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi	269.788.844	208.592.340
Cổ tức, lợi nhuận được chia	77.136.104	60.075.384
Cộng	346.924.948	268.667.724

4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	1.202.575.201	1.456.456.522
Lỗ chênh lệch tỉ giá do đánh giá lại cuối kỳ	2.013.661.517	2.348.681.486
Cộng	3.216.236.718	3.805.138.008

5. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
10% được hưởng từ thu phí bảo vệ môi trường	504.264.635	446.591.893
Vật tư thu hồi từ sửa chữa các công trình nước	118.896.368	182.254.823
Thanh lý tài sản cố định	27.272.726	281.000.000
Thu tiền cho thuê nhà, tiền điện, nước của cán bộ công nhân viên	88.673.614	120.440.116
Thu nhập khác	5.500.000	170.852
Cộng	744.607.343	1.030.457.684

6. Chi phí khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Nộp phạt theo QĐ của thanh tra thuế	229.716.557	145.551.000
Xử lý công nợ cấp nước nhỏ lẻ không có khả năng thu hồi	39.216.077	90.352
GTCL Tài sản thanh lý	45.370.411	-
Các khoản khác	77.957.711	43.525.486
Cộng	392.260.756	189.166.838

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	8.538.656.432	7.375.527.483
Chi phí nhân viên	5.542.145.412	5.245.324.093
Chi phí vật liệu, bao bì	2.241.326.994	1.753.928.416
Chi phí khấu hao TSCĐ	164.112.567	203.047.113
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.188.036	-
Chi phí bằng tiền khác	353.883.423	173.227.861

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	10.065.403.869	9.300.588.340
Chi phí nhân viên quản lý	5.730.135.586	5.036.448.100
Chi phí vật liệu quản lý	47.500.092	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.532.637	44.034.818
Chi phí khấu hao TSCĐ	508.099.702	486.894.252
Thuế, phí và lệ phí	69.847.820	111.689.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	963.792.096	1.586.843.401
Chi phí bằng tiền khác	2.646.495.936	2.034.677.987

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.558.236.941	45.253.820.382
Chi phí nhân công	20.886.088.161	18.137.703.895
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.947.375.972	18.099.618.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.881.246.123	5.002.457.921
Chi phí khác bằng tiền	3.293.896.567	2.423.895.917
Cộng	97.566.843.764	88.917.496.517

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng thu nhập phát sinh, trong đó:		
<i>Thu nhập chịu thuế TNDN</i>	103.561.175.718	92.596.616.682
<i>Thu nhập không chịu thuế TNDN</i>	77.136.104	60.075.384
Tổng chi phí phát sinh, trong đó:		
<i>Chi phí tính thuế TNDN</i>	101.127.436.979	90.927.435.563
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN</i>	229.716.555	-
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	2.433.738.739	1.669.181.119
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	486.747.748	367.219.846
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	486.747.748	367.219.846
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	408.399.975	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	895.147.723	367.219.846

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.386.010.565	1.362.036.657
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.386.010.565	1.362.036.657

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	814.703.129	800.611.160
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.647.467	8.805.560
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	66,07	63,76

(*): Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm 2015 được điều chỉnh do loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi đã được trích theo Nghị quyết cuộc họp Đại hội Cổ đông số 01/NQ- ĐHĐCĐ ngày 29/06/2016 về phân phối lợi nhuận năm 2015.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm 2016 được tạm tính theo tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
1. Các giao dịch không ảnh hưởng đến dòng tiền		
- Đánh giá lại số dư vay có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm	2.013.661.517	2.348.681.486
2. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	15.127.225.761	-
3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.407.435.281	6.339.307.081

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	Công ty nhận vốn góp

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2016</u> VND	<u>Năm 2015</u> VND
Mua hàng		
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc	3.435.865.390	6.908.773.591
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc	31.624.565.800	19.860.209.524
Số dư với các bên liên quan		
	<u>31/12/2016</u> VND	<u>01/01/2016</u> VND
Phải thu khác		
Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc	-	187.983.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

Trả trước cho người bán

Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc - 390.372.000

Phải trả người bán

Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp thoát nước Vĩnh Phúc 540.601.450 425.795.157

Công ty CP Đầu tư xây dựng cấp nước Vĩnh Phúc 2.850.485.200 -

Thu nhập Ban Tổng giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lương, thưởng Ban Tổng giám đốc	631.438.500	536.216.600
Cộng	631.438.500	536.216.600

3. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty CP Cấp thoát nước số 1 Vĩnh Phúc đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Vĩnh Phúc, ngày 06 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CP CẤP THOÁT NƯỚC SỐ 1 VĨNH PHÚC

Người lập



Nguyễn Mạnh Cường

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thúy Ngọc

Chủ tịch Hội đồng quản trị




Trần Quang Ngọc

H H H